Nmark

Máy in và dán nhãn cáp V420-C3 / V430-C3

Bản tiếng Việt (dịch từ bản tiếng Anh)

Hệ thống in và dán nhãn cáp — bảng thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật

Thông số	Giá trị
Mẫu máy	V420-C3 / V430-C3
Độ phân giải	203 dpi / 306 dpi
Chiều rộng in	7–104 mm
Chiều cao in	10–60 mm
Đường kính cuộn tối đa	200 mm
Chiều rộng vật liệu	10–125 mm
Đường kính bó dây	1–20 mm
Kiểu dẫn động	Khí nén
Kích thước nhãn	Chiều dài không quá 130 mm
Phương thức dán nhãn	Kẹp dán
Hướng dán nhãn	Dán đỉnh thẳng đứng
Nhiệt độ hoạt động	5 °C – 40 °C
Nhiệt độ bảo quản	−20 °C – 60 °C
Độ ẩm hoạt động	25% – 85% RH (không ngưng tụ)
Giao diện I/O số	

Đầu vào 1: bắt đầu in; Đầu vào 2: bắt đầu dán nhãn; Đầu ra 1: in xong; Đầu ra 2: dán nhãn xong

Đường kính lõi rulo mực

25.6 mm

Chiều dài rulo mực

300 m

Chiều rộng rulo mực

25–115 mm

Phông chữ

NMARK0, NMARK1, NMARK2, NMARK3, NMARK4, NMARK5, SimSun, SimHei, Times Roman, Arial, Letter Gothic, OCR-A/B, Courier, Prestige Elite

CPU

CPU lõi kép 32 bit

Tốc độ dán nhãn

1200 chiếc/h

Kích thước

535 mm (D) × 390 mm (R) × 950 mm (C)

Trọng lượng

29 kg

Ngôn ngữ lập trình

NPL, tương thích với TPCL/TSPL

Bộ nhớ

RAM: 32 MB FLASH: 256 MB

Đầu in

Kiểu ép phẳng

Chế độ in

In nhiệt trực tiếp / In chuyển nhiệt

Giao diện

USB, cổng nối tiếp, cổng mạng, cổng IO

Loại mã 2D

QR code, DataMatrix, PDF417, Maxicode, MicroPDF417

Loại mã vạch

Code 39, Code 39 Ext, Code 128, ITF25, Code 25, Matrix 25, EAN-8/13, UPC A/E, Codabar, Code 93, Code One, Code 49, Code 16K

Phụ kiện

Cáp USB, bộ chuyển đổi nguồn DC, hướng dẫn sử dụng

Ứng dụng

• Nhãn nhận dạng / đánh dấu cáp.

Vật liệu áp dụng: lớp đế glassine, độ dày lớp đế không quá 50 μm và độ dày lớp mặt không nhỏ hơn 50 μm.